

## ẢNH HƯỞNG QUAN NIỆM ĐẠO LÀM VUA CỦA NHO GIÁO ĐẾN ĐẠO TRỊ NƯỚC CỦA LÊ THÁNH TÔNG

LÊ THỊ THƠM\*

Bài viết phân tích quan niệm đạo làm vua của Nho giáo trong mối quan hệ tự thân: sự tự tu dưỡng, hoàn thiện đạo đức cá nhân và trong mối quan hệ với bề tôi: đội ngũ quan lại và thân dân. Quan niệm đạo làm vua của Nho giáo đã ảnh hưởng sâu đậm góp phần hình thành tư tưởng trị nước, an dân của nhà vua, nhà nho Lê Thánh Tông. Những chuẩn mực đạo làm vua của Nho giáo được ông hiện thực hóa trong thực tiễn hoạt động trị vì đất nước 38 năm của mình, góp phần tạo nên thời kỳ thịnh trị nhất của xã hội phong kiến Việt Nam thế kỷ XV.

Từ khóa: Nho giáo, đạo làm vua, Lê Thánh Tông

Nhận bài ngày: 05/4/2024; đưa vào biên tập: 08/4/2024; phản biện: 26/9/2024; duyệt đăng: 05/12/2024

### 1. DẪN NHẬP

Học thuyết Nho giáo do Khổng Tử (551 - 479 TCN) sáng lập vào thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc (722 - 220 TCN) (theo Trần Trọng Kim, 2008). Đây là thời kỳ xã hội xuất hiện nhiều chuyển biến sâu sắc về kinh tế, giai cấp kéo theo sự nảy nở của nhiều nhà tư tưởng, tạo nên thời kỳ "bách gia chư tử" (trăm nhà trăm thầy), "bách gia tranh minh" (trăm nhà đua tiếng). Các nhà tư tưởng đứng trên lập trường giai cấp của mình để phân tích,

phê phán thiết chế xã hội đương thời, xây dựng mô hình thiết chế xã hội lý tưởng. Với mục tiêu đưa xã hội từ loạn trở thành trị, Khổng Tử chủ trương đường lối trị nước bằng đức trị, dựa trên đạo đức để xây nền thái bình, thịnh trị lâu dài. Trong đó, đạo đức của người đứng đầu, của nhà vua có quan hệ trực tiếp đến sự hưng - vong, an - nguy, trị - loạn của triều đại; thành - bại của công việc trị nước, trị dân. Nhà vua phải chính danh, phải thi hành đúng cái đạo của mình để dẫn dụ thiên hạ. Nhà vua được xem là "Thiên tử" (子天, con của trời) trong Nho giáo, tức là người mang trọng

\* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

trách thay trời cai trị thiên hạ. Nhà vua phải là người có đức hạnh, trí tuệ và khả năng cai trị đất nước, bởi vì quyền lực của vua không chỉ dựa trên sức mạnh quân sự hay quyền lợi cá nhân, mà chủ yếu dựa trên đức hạnh và sự tu dưỡng của bản thân. Khi vua có đạo đức tốt, đất nước sẽ thịnh vượng, hòa bình và dân chúng sẽ sống trong an lạc. Đạo làm vua theo những chuẩn mực Nho giáo trở thành hình mẫu cho các nhà vua phong kiến Trung Quốc và Việt Nam không ngoài sự ảnh hưởng. Lê Thánh Tông là một trong những vị vua nổi bật trong lịch sử Việt Nam, đặc biệt nổi tiếng với những cải cách và chính sách giúp đất nước phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ Lê sơ (theo Nguyễn Tài Thư, 1993: 295). Chính trong giai đoạn này, Nho giáo đã trở thành nền tảng tư tưởng chính thức của triều đình, và ảnh hưởng sâu sắc đến đạo làm vua của Lê Thánh Tông. Vua Lê Thánh Tông không chỉ thể hiện sự tu dưỡng về đạo đức cá nhân mà còn tìm cách tổ chức chính quyền và xã hội theo những nguyên lý của Nho giáo, nhằm xây dựng một đất nước hưng thịnh, hòa bình (theo Nguyễn Tài Thư, 1993).

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Quan niệm đạo làm vua của Nho giáo

Để thiên hạ có trật tự, kỷ cương, Khổng Tử đề ra chủ trương: “quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử” (vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con) (Chu Hy, 1998: 484), định rõ

đanh phận của từng bậc người trong xã hội. Mạnh Tử, trên cơ sở kế thừa tư tưởng trên, khái quát mối quan hệ của con người trong xã hội thành “ngũ luân”: Vua - tôi, cha - con, vợ - chồng, anh - em, bạn - bè. Đổng Trọng Thư đề ra Tam cương: “vua tôi, cha con, vợ chồng”. Từ các mối quan hệ đó, Nho giáo định ra chuẩn mực đạo đức cho từng hạng người, trong đó chuẩn mực đạo đức của nhà vua là vấn đề trung tâm. Đạo làm vua là khái niệm dùng để chỉ các quy phạm, chuẩn mực đạo đức nhằm điều chỉnh hành vi của bậc quân vương - hình mẫu cao nhất của người quân tử trong xã hội; chỉ rõ trách nhiệm, quyền hạn của nhà vua trong quan hệ với bề tôi. Nội dung quan niệm đạo làm vua của Nho giáo là sự tác động đan xen của nhiều chuẩn mực đạo đức nhân, nghĩa, lễ, hiếu, kính, thành... điều chỉnh hành động của nhà vua trong mối quan hệ với Trời, với bề tôi, với dân chúng và với chính bản thân mình hình thành nguyên tắc chính trị, đường lối trị nước của bậc quân vương. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả phân tích đạo làm vua tập trung ở hai nội dung cơ bản trong mối quan hệ này.

#### 2.1.1. Đạo làm vua trong sự tự tu dưỡng đạo đức cá nhân

Là học thuyết chính trị - xã hội, Nho giáo đặc biệt coi trọng vấn đề “tu thân”, nhất là đối với người cầm quyền trị nước, trị dân. Tu thân trong cách hiểu của các nhà nho là quá trình tự trau dồi, tu dưỡng bản thân theo chuẩn mực đạo đức của các thánh hiền Nho

giáo. Đây là tiền đề của việc “tề gia”, từ đó bậc quân vương vươn đến lý tưởng cao nhất là “trị quốc, bình thiên hạ”.

Nho giáo quan niệm Thiên tử là con trời, được nhận mệnh trời đứng đầu, cai trị muôn dân, là cha mẹ của dân; do đó phải là người tiêu biểu về đạo đức để quần thần và dân chúng noi gương. Đức tính quan trọng nhất của Thiên tử - kẻ cầm quyền là phải có đức nhân và luôn luôn tu dưỡng đức nhân đó. Trong thang bậc đạo đức Nho giáo, nhân ở vị trí cao nhất, đồng thời bao hàm trong nó tất cả các đức tính khác. Khổng Tử và Mạnh Tử cho rằng, nhà vua mà ham muốn đức nhân thì sẽ thu phục được nhân tâm trong thiên hạ, như ngôi sao Bắc Đẩu ở yên vị mà các ngôi sao khác phải châu về (Chu Hy, 1998: 214). Cái đức ấy cũng giống như gió (đức của nhà cầm quyền), lướt trên cỏ (đức của dân chúng), “gió thổi qua thì cỏ rạp xuống” (Chu Hy, 1998: 489). Đến thời Hán, Đổng Trọng Thư xuất phát từ lập trường thần học cho rằng: “Người làm vua theo ý giới mà làm việc, cho nên phải chú trọng vào đức giáo mà không chú trọng vào hình phạt” (dẫn theo Lã Trán Vũ, 1964: 382). Đạo đức, lòng thành của nhà vua được thần bí hóa trở thành yếu tố cốt lõi để người nào đó được nhận mệnh trời làm vua thiên hạ, cai trị dân.

Nho giáo định ra nhiều chuẩn mực đạo đức để nhà vua tự tu dưỡng hình thành Đạo của mình. Đối với Khổng Tử, đạo của bậc quân vương - đại

diện cao nhất của bậc quân tử phải hội tụ đầy đủ Tam đức “nhân - trí - dũng”, bởi “trí giả bất hoặc, nhân giả bất ưu, dũng giả bất cự” (Người trí chẳng nghi hoặc, người nhân chẳng lo âu, người dũng chẳng sợ hãi) (Chu Hy, 1998: 419). Mạnh Tử nhấn mạnh Tứ đoan - đầu mối của bốn đức “nhân, nghĩa, lễ, trí”: “Lòng trắc ẩn là đầu mối của điều nhân, lòng tu ố là đầu mối của điều nghĩa, lòng từ nhượng là đầu mối của lễ, lòng thị phi là đầu mối của trí vậy. Người ta có bốn đầu mối đó, cũng như có hai chân, hai tay vậy” (dẫn theo Chu Hy, 1998: 862). Đến thời Hán, Đổng Trọng Thư quan niệm: “Đức nhân để an được người, đức nghĩa để chính thân mình” (dẫn theo Lã Trán Vũ, 1964) (Nhân dĩ an nhân, nghĩa dĩ chính kỉ - (theo Phan Bội Châu, 2020: 982). Ông đề ra chuẩn mực “ngũ thường” (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) có tính chất thần bí, yêu cầu nhà vua thực hành, tu dưỡng: “Kia như đạo ngũ thường nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, đó là cái mà người làm vua phải tu sửa tô điểm. Năm điều đó mà được tu sửa tô điểm thì sẽ được giới giúp và quý thần phù hộ, đức lan ra khắp bên ngoài, và đến cả mọi loài sinh vật” (dẫn theo Lã Trán Vũ, 1964: 380). Như vậy, nhà vua là đại diện tiêu biểu của bậc quân tử, là tấm gương để quan lại, thần dân noi theo. Đạo làm vua phải đề cao đạo đức, không ngừng tu dưỡng đạo đức, nhân phẩm để dẫn dân, dụ dân, noi gương những hành động của vua hiền, vua sáng, làm chuẩn mực hành động cho bề tôi.

Sau này các nhà nho thời Hán, thời Tống thần bí hóa vai trò của nhà vua, đức của vua được coi là cầu nối để thông với ý trời, là điều kiện để nhà vua được nhận dân, hưởng dân, mùa màng bội thu, đất nước thái bình.

### **2.1.2. Đạo làm vua trong mối quan hệ với bề tôi**

Theo các nhà nho, "tôi" (bề tôi) bao hàm hai đối tượng chính: Thứ nhất, "bề tôi" là "dân" - dân chúng bao gồm tất cả thần dân trong thiên hạ, họ là lực lượng đối lập với tầng lớp thống trị gồm vua, quan. Thứ hai, "bề tôi" là những người giúp nhà vua trong việc cai trị, là tầng lớp quan lại, hợp cùng với nhà vua thành tầng lớp, giai cấp thống trị, có vai trò trị nước, trị dân, giáo dân. Do đó, đạo làm vua thể hiện dưới hai góc độ: mối quan hệ giữa vua với dân và mối quan hệ giữa vua với bề tôi (quan lại).

#### *Thứ nhất, đạo làm vua trong mối quan hệ với dân chúng*

Dân là lực lượng tạo ra phần lớn của cải trong xã hội nhưng theo quan niệm của nhà nho đó là những người lao lực, thuộc tầng lớp dưới để nhà vua cai trị. Khổng Tử, Mạnh Tử nhiều lần nhắc đến dân với tư cách là đối tượng để nhà vua giáo hóa: "dùng chính lệnh để dẫn dắt dân (dẫn theo Chu Hy, 1998: 215), "khuyến khích dân, dẫn dụ dân làm việc thiện" (Chu Hy, 1998: 949). Tuy nhiên, Khổng Mạnh cũng nhận thấy "lòng dân", "ý dân" đôi khi lại đồng nhất với mệnh trời: "Trời nghe và nhìn sáng tỏ là từ sự nghe và

nhìn sáng tỏ của dân ta. Trời làm cho sợ là tự dân ta tỏ uy" (Khổng Tử, 2004: 247). Do vậy, trong tư tưởng của các nhà nho tiên Tần, nhiều lần nhấn mạnh vai trò của dân, coi dân là gốc nước (dân vi bang bản), dân là đáng quý nhất (dân vi quý). Mạnh Tử từng nhắc các vua chư hầu: "Các vua chư hầu có ba điều phải coi là quý trọng: đất đai, dân chúng và việc chính trị. Người nào coi trọng châu ngọc, tai ương ắt tới thân" (dẫn theo Chu Hy, 1998: 1361). Với ông, dân với nước là một, mất dân là mất nước và có được dân là có cả thiên hạ: "Mất thiên hạ là vì để mất dân, để mất dân là vì để mất lòng người. Muốn được thiên hạ, có đường lối hẳn hoi: hãy được dân là được thiên hạ vậy" (Chu Hy, 1998: 1033). Vua là người được Thượng đế cho nhận dân, hưởng dân do vậy mà phải hết lòng bảo vệ dân, dìu dắt dân, chăm lo cho dân, cùng vui với dân, no đói cùng dân, "điều gì người dân ưa thích, ta cũng ưa thích, điều gì người dân ghét bỏ, ta cũng ghét bỏ" (Chu Hy, 1998: 53), "những gì dân muốn thì đem lại cho họ thật nhiều, những gì dân ghét thì chớ đem ra thi thố" (Chu Hy, 1998: 1033); phải biết "vui với niềm vui của dân, lo với nỗi lo của dân" (Chu Hy, 1998: 778)... Nhận thấy vai trò quan trọng của dân, các nhà nho tiên Tần yêu cầu nhà vua phải thực hiện việc "dưỡng dân" (nuôi dân, làm cho dân no đủ), "giáo dân" (dạy dân) và "dân tín" (làm cho dân tin).

Sau này, Hán nho và Tống nho, từ lập trường thần học, gắn thuyết giai cấp,

mệnh trời vào mỗi quan hệ này. Đồng Trọng Thư cho rằng: “Người ta chịu mệnh của Trời”, “giời” đặt ra cho xã hội cõi người một vị vua có quyền lực tối cao để “thay giới hành đạo” (dẫn theo Lã Trấn Vũ, 1964: 374), dân chúng là bọn “thứ nhân” cũng do giới sinh ra nhưng chỉ biết cầu tài lợi, là giai cấp “bị người trị và phải cung phụng cho người” (Lã Trấn Vũ, 1964: 385).

*Thứ hai, đạo làm vua trong mối quan hệ với bề tôi (quan lại)*

Mối quan hệ giữa vua với bề tôi (quan lại) là sự thể hiện tập trung nhất của đạo làm vua. Trong mối quan hệ này, yêu cầu đầu tiên là nhà vua phải tự mình nêu gương để tầng lớp quan lại noi theo: “người quân tử (nên hiểu là thiên tử) mỗi khi hành động có thể làm gương cho thiên hạ đời sau noi theo, cách cư xử có thể làm phép tắc cho thiên hạ đời sau noi theo, lời nói có thể làm khuôn mẫu cho đời sau noi theo, người ở xa trông ngóng, người ở gần chẳng chán” (Chu Hy, 1998: 166). Quan lại là người giúp vua trong việc trị nước, trị dân. Nước trị là do quan giỏi, là do vua dùng người quân tử; còn nước loạn là do quan xấu, vua dùng tiểu nhân; đạo làm vua đòi hỏi vua phải biết cất nhắc, coi trọng người hiền tài, dùng họ làm tay chân của mình trong việc trị nước, trị dân. Mạnh Tử nói rằng: “Tôn người hiền, sử dụng người tài năng, khiến những kẻ tuấn kiệt đều ở địa vị cao, ắt kẻ sĩ trong thiên hạ đều hài lòng, tình nguyện được đứng trong triều đình mình” (dẫn theo Chu Hy, 1998: 857).

Cất nhắc người hiền tài không chỉ khiến vua có người tài, đức trị dân mà còn khiến dân tin vào đường lối trị nước của vua.

Trong mối quan hệ này, Nho giáo cũng cho rằng, khi sai khiến bề tôi, vua phải giữ đúng đạo lễ (quân sử thần dĩ lễ); bề tôi phải tận trung với vua, thờ vua (thần sự quân dĩ trung). Nhưng để bề tôi tuyệt đối trung thành với vua, hết lòng vì quyền lợi của vua, thì nhà vua cũng phải hết lòng thương yêu bề tôi. Mạnh Tử viết: “vua coi bề tôi như tay chân, thì bề tôi coi vua như gan ruột, vua coi bề tôi như chó ngựa, thì bề tôi coi vua như kẻ qua đường, vua coi bề tôi như bùn rác thì bề tôi coi vua như giặc thù” (dẫn theo Chu Hy, 1998: 1062). Đồng Trọng Thư sau này nâng mối quan hệ vua tôi theo hướng một chiều “vua là giếng mối của bề tôi”. Nghĩa vua - tôi chịu chi phối của đạo âm dương, ngũ hành trở thành sợi dây trói buộc nghĩa vụ, sự phục tùng của tầng lớp quan lại với nhà vua.

Như vậy, đạo làm vua của bậc quân vương là phải dùng đạo đức của mình để soi sáng cho thiên hạ, trong đó có tầng lớp quan lại. Vua là bề trên được phụng sự nhưng vua cũng phải biết sử dụng, cất nhắc người tài phục vụ cho công việc của mình. Đạo làm vua không chỉ yêu cầu nhà vua phải tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, cần mẫn, siêng năng, hết lòng trong công việc trị nước, an dân, mà còn phải hết lòng thương yêu dân chúng, bề tôi. Nhìn chung, quan niệm về đạo

làm vua của Nho giáo sơ kỳ về cơ bản là chủ nghĩa tôn quân quyền, có sự phân biệt giai cấp rõ rệt nhưng còn mang tính chất hai chiều, nhân bản, thể hiện sự thương xót đến muôn dân. Đến thời Hán nho, Tống nho quan niệm này được đưa thêm yếu tố thần bí, cứng nhắc, hà khắc, một chiều, trói buộc bẻ tời vào địa vị phục tùng tuyệt đối uy quyền của nhà vua.

## 2.2. Ảnh hưởng quan niệm đạo làm vua của Nho giáo trong đường lối trị nước của Lê Thánh Tông

Lê Thánh Tông (1442 - 1497) tên thật là Lê Tư Thành, húy là Hạo, con thứ 4 của vua Lê Thái Tông. Từ thuở nhỏ vua đã tỏ rõ dáng điệu đứng đắn, thông minh, sống kín đáo, khiêm nhường, có tinh thần học hỏi sớm khuya. Vua lên ngôi năm 18 tuổi, sau loạn Nghi Dân, trị vì đất nước 38 năm, đặt hai niên hiệu là Quang Thuận (1460 - 1469) và Hồng Đức (1470 - 1497). Thời kỳ vua trị vì, nước Đại Việt đạt được sự phát triển hưng thịnh về mọi mặt: chính trị hùng cường, kinh tế vững mạnh, bờ cõi mở mang, pháp luật rõ ràng, giáo dục chú trọng... Sử gia Ngô Sĩ Liên đánh giá: "Vua sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc anh hùng tài lược" (Cao Huy Giu, 2023: 773).

Thời đại Lý, Trần, nhà nước phong kiến Đại Việt sử dụng chính sách Tam giáo đồng tôn. Đến thời Lê Thánh Tông, Nho giáo được đưa lên địa vị độc tôn. Tư tưởng Nho giáo thống trị ở nước ta thời kỳ này là Tống Nho với

đại biểu điển hình là Chu Hy (theo Nguyễn Tài Thư, 1993: 253). Trên cơ sở triết học duy tâm của Trình Hạo, Trình Di, Chu Hy đã chú giải và hệ thống hóa học thuyết của Khổng Tử để biện hộ cho sự tồn tại vĩnh viễn của chế độ quân chủ chuyên chế lúc bấy giờ.

Quan niệm về đạo làm vua của Lê Thánh Tông chứa đựng nhiều yếu tố nhân văn của Nho giáo Khổng - Mạnh. Tuy nhiên, đạo trị nước của Lê Thánh Tông không hoàn toàn chịu ảnh hưởng duy nhất từ quan niệm Nho giáo mà còn được hình thành trên cơ sở thực tiễn đất nước, ảnh hưởng bởi tư tưởng thân dân của truyền thống dân tộc, trực tiếp nhất là tư tưởng thân dân của Nguyễn Trãi. Do đó, đạo trị nước của nhà vua, nhà nho Lê Thánh Tông mang đậm đặc trưng của một nhà nho Việt Nam yêu nước, thương dân.

Nhà vua, nhà thơ Lê Thánh Tông - chủ soái hội Tao Đàn đã khái quát đạo trị nước của mình qua bài thơ *Quân đạo*: "Đạo lớn để vương nghĩ đã tinh/Thương yêu dân chúng, kính trời xanh/Tìm tòi kế sách xây đời thịnh/Bỏ hẳn chơi bời giữ nếp thanh/Cắt nhắc anh tài phô đức đẹp/Chăm lo võ bị trọng quyền binh/Điều hòa muôn việc theo thời tiết/Khấp chốn hân hoan hưởng thái bình" (dẫn theo Mai Xuân Hải, 1998: 334). Ảnh hưởng của quan niệm đạo làm vua của Nho giáo đến đường lối trị nước, an dân của Lê Thánh Tông thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

### 2.2.1. Ảnh hưởng quan niệm đạo làm vua của Nho giáo trong sự tự tu dưỡng đạo đức cá nhân của Lê Thánh Tông

*Thứ nhất*, đồng thuận trong quan niệm của nhà nho về hình mẫu vua hiền, vua sáng, vua Lê Thánh Tông luôn đề cao vai trò của đạo đức và thường xuyên tu dưỡng đạo đức cá nhân. Ngay từ khi lên ngôi, Lê Thánh Tông đã nhấn mạnh việc tu sửa đạo đức cá nhân: "Ta mới coi chính sự, sửa mới đức tính, tuân theo điển cũ của thánh tổ thần tôn" (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 780). Ông coi việc tu sửa đạo đức của mình là "thừa thiên mệnh", trời sẽ ban mưa thuận, gió hòa, nhân dân được mùa, no đủ. Nhà vua đề cao đạo đức cũng là cách để tự rèn luyện mình, thấy được trách nhiệm của mình đối với dân, với nước. Khi đất nước gặp cảnh hạn hán, mất mùa, nhà vua luôn xem xét lại đức hạnh của mình, thực hành thêm nhiều việc thiện để thuận thiên. Năm 1466, vì mất mùa, Lê Thánh Tông đại xá thiên hạ, có đoạn viết: "Trẫm là người không có đức,... Năm ngoái từ mùa thu đến mùa đông trời lâu không mưa, người không có hy vọng được mùa... Trẫm làm cha mẹ dân, đau xót trong lòng" (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 801). Năm 1476, đại hạn, nhà vua cầu đảo, có đoạn: "Chỉ vì thần không có đức, để cho dân chịu tai ương... Cúi xin Thượng đế xá lỗi tha tội, đổi tai biến làm điềm lành, ban cho mưa to, nước ngọt" (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 861).

*Thứ hai*, Lê Thánh Tông tu dưỡng đạo đức theo những chuẩn mực đạo đức của Nho giáo. Trong suốt thời gian trị vì, Lê Thánh Tông luôn quan tâm đến việc sửa mình theo những chuẩn mực đạo đức Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín của Nho giáo. Trong bài *Đạo Am thiên tự*, vua khái quát về đạo làm vua của mình: "Đạo trời mạnh chí cương, đạo đất thuộc vô lường; làm vua đủ trí dũng, cho nước được phồn xương" (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 831). Chiếu dụ về việc đi đánh Bồn Man có dụ: "Đế vương thì lấy nhân chăm nuôi, lấy nghĩa đánh dẹp, lấy uy lung lạc tám phương" (Cao Huy Giu, 2023: 869). Trong việc thi cử, kén chọn người tài, nhà vua nhiều lần đích thân ra đề, hỏi thi về đạo làm vua của bậc thánh hiền trong điển tịch Nho giáo. Kỳ thi Hội năm 1463, năm 1466, năm 1475 ông đích thân ra đầu đề văn sách hỏi về đạo trị nước, chính sự hay dở của các đời hay đạo vua tôi đời xưa. Qua đó có thể thấy rằng, hình mẫu của những ông vua hiền Nghiêu, Thuấn hay vua ác Trụ, Kiệt có ảnh hưởng lớn đến phong cách trị nước của ông. Bằng thực tiễn trị vì đất nước 38 năm, ông không những là tấm gương về sự tự tu dưỡng đạo đức cho đội ngũ quan lại, thần dân trong thiên hạ mà còn là hình mẫu để các nhà vua sau này học hỏi và noi theo.

Như vậy, nhà nho Lê Thánh Tông đã kế thừa quan điểm về sự tự tu dưỡng đạo đức của Nho giáo hình thành nên đường lối trị nước của mình. Quan niệm đó có giá trị tích cực trong việc

điều chỉnh hành động, lời nói của nhà vua theo những chuẩn mực đạo đức nhân nghĩa; khuyến khích vua làm việc thiện và coi việc tu dưỡng đạo đức là trách nhiệm của mình đối với Trời và với người. Việc thi hành nhân đức trong hoạt động thực tiễn trị vì đất nước đã góp phần tạo nên hình mẫu nhà vua Lê Thánh Tông thân dân, gần dân, thương dân, tận tâm, tận lực tu dưỡng đạo đức cá nhân.

### ***2.2.2. Ảnh hưởng quan niệm đạo làm vua của Nho giáo đối với Lê Thánh Tông trong mối quan hệ với bề tôi***

*Thứ nhất, đạo làm vua của Lê Thánh Tông trong mối quan hệ với dân*

Lê Thánh Tông dùng những danh từ: thân dân, dân đình, lương dân... để nói về muôn dân của nước Đại Việt; họ là những người nông dân, người buôn bán, thợ thủ công...; những con dân của nhà vua, được nhà vua quan tâm, dạy bảo, ban ơn. Tư tưởng về đạo làm vua trong mối quan hệ với dân của Lê Thánh Tông đề cập đến vai trò của dân, từ đó xác định thái độ, trách nhiệm của nhà vua, người cầm quyền đối với dân.

Khi còn nhỏ, Lê Thánh Tông cùng mẹ lánh nạn ở chùa Huy Văn, sống gần dân, được người dân nuôi dưỡng, bao bọc, chở che. Bên cạnh đó, chịu ảnh hưởng tích cực trong quan niệm về dân của Nho giáo Khổng - Mạnh, tư tưởng thân dân của Nguyễn Trãi, ông đặc biệt quan tâm đến dân, đến đời sống vật chất no đủ của dân

(theo Nguyễn Tài Thư, 1993: 304). Quan tâm đến việc “dưỡng dân”, mong muốn dân được no đủ, vua đã ban nhiều sắc, dụ, chỉ huy việc khuyến nông, phát triển sản xuất nông nghiệp. Ngay sau khi ổn định tình hình chính trị triều đình, vua đã chỉ huy cho các quan phủ, huyện, lộ, trấn, xã quan tâm đến việc đồng ruộng: “Từ nay về sau, về việc làm ruộng thì nên khuyên bảo quân dân đều chăm nghề nghiệp sinh nhai, để đủ ăn mặc... Người nào có ruộng đất mà không chăm cấy trồng thì quan tư cai quản bắt trình trị tội” (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 779-780). Sắc chỉ cho các quan thừa tuyên phủ huyện: “Trông nom việc đồng ruộng, khuyên dân lấy nước vào ruộng để kịp thì gieo mạ” (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 866). Gặp khi hạn hán, mất mùa, nhà vua thường đại xá thiên hạ, làm lễ cầu siêu, thực hành nhiều chính sách nhân đạo để tỏ lòng thành kính với trời đất, cầu mong mưa thuận, gió hòa, nhân dân ấm no. Năm 1463, mùa thu, tháng 7, đại hạn, vua không ngồi ở chính điện, giảm bớt món ăn, triệt bỏ đồ nhạc (Cao Huy Giu, 2023: 786). Niên đại Quang Thuận, năm thứ 8 (1467), trong lệnh đại xá, Lê Thánh Tông có viết: “Năm ngoái từ mùa thu đến mùa đông trời lâu không mưa, người không có hy vọng được mùa, dân có lòng lo đói kém. Trẫm làm cha mẹ dân, đau xót trong lòng, nếu không ban ra ơn rộng khoan tha, thì sao có ơn huệ thực sự đến nhân dân được!” (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 801). Lê Thánh Tông luôn yêu



cầu quan lại phải quan tâm, chú ý đến việc đồng ruộng “khai hoặc lấp đường nước ở ruộng, đưng để cho ruộng úng ngập hay khô hạn” (Cao Huy Giu, 2023: 816), hỏi han quan lại về những đau khổ của dân gian, giáng chức quan lại “vì bản xứ có nhiều sâu lúa mà không biết tâu lên trước, chỉ ngồi nhìn tai hại của dân” (Cao Huy Giu, 2023: 821). Không dừng lại ở những sắc, chỉ, dụ, huấn, Lê Thánh Tông còn luật hóa trong *Quốc triều hình luật*<sup>(1)</sup> những quy định về bảo vệ tài sản, sức khỏe cho người dân. Bộ luật có nhiều điều yêu cầu đội ngũ quan lại phải quan tâm đảm bảo đời sống vật chất của người dân; những hành động tự tiện chiếm ruộng đất, của cải, tiền bạc, tự tiện thu thuế và thu thuế của dân trái quy định bị trừng trị rất nặng (các điều 181, 185, 186, 206, 300). Điều 325 của bộ luật còn quy định rõ, việc thu thuế của dân phải công bằng, phải phân biệt người giàu, người nghèo, người khỏe, người yếu mà thu thuế nhiều hay ít, trước hay sau... Ý thức rõ về vai trò của dân, quan niệm đạo làm vua của Lê Thánh Tông đề cao tư tưởng chăm dân để *dân no đủ*. Vua dụ: “Lễ nghĩa để sửa lòng tốt dân, nông tang để có đủ cơm áo, hai việc cần kíp ấy của chính sự là chức trách của các thú mục” (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 897). Trong bộ luật *Quốc triều hình luật*, để cho dân no đủ, yên ổn với nghề nông, có nhiều điều quy định trừng trị các tội bán ruộng đất, trâu bò, mắm muối cho người nước ngoài, hay trừng trị quan lại lợi dụng chức quyền

để chiếm đoạt ruộng đất, của cải của dân, sai khiến dân trái thời vụ...

Nhìn chung, trong mối quan hệ với dân, quan điểm của Lê Thánh Tông thể hiện nhiều tư tưởng nhân văn, tiến bộ. Các nhà nho Khổng - Mạnh dành phần lớn thời gian chu du thiên hạ để tìm bậc minh quân thi hành đạo của mình, tỏ đức sáng tới muôn dân. Với tư cách là vua Đại Việt, Lê Thánh Tông đã hiện thực hóa tư tưởng thân dân đó trong đường lối trị nước của mình. Nhà vua coi việc chăm dân, dưỡng dân, giáo dân là trách nhiệm hàng đầu. Ông chú trọng chăm lo đời sống vật chất no đủ cho nhân dân, khuyến khích nông tang, dẫn dụ họ làm ăn, tìm kế sinh nhai; thực hiện nhiều biện pháp bảo vệ quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân đặc biệt là những người yếu thế trong xã hội như: phụ nữ, người cô quả, tàn tật, nô tỳ...; có những thiết chế cụ thể nhằm hạn chế đội ngũ quan lại trong việc lợi dụng quyền lực thu thuế, bóc lột, ức hiếp dân lành. Vì những chính sách trọng dân, chăm dân như vậy ông đã góp công lớn mang lại đời sống kinh tế ấm no, sung túc cho nhân dân trong thời gian trị vì của mình. Tư tưởng thân dân của ông là sự kế thừa trực tiếp từ quan điểm “dân là gốc” của truyền thống dân tộc, thể hiện sự tiến bộ vượt bậc so với tư tưởng một chiều, cứng nhắc của Tống nho, rất gần gũi với tinh thần thân dân của Nguyễn Trãi. Tuy nhiên, do bối cảnh thời đại, quan niệm về dân, vai trò của dân trong quan niệm của ông vẫn

chưa thể vượt ra ngoài khuôn khổ hệ tư tưởng phong kiến.

*Thứ hai, đạo làm vua của Lê Thánh Tông trong mối quan hệ vua - bề tôi (quan lại)*

Trong mối quan hệ với bề tôi (quan lại), Lê Thánh Tông chủ trương dùng thân giáo để làm gương cho tầng lớp quan lại. Trong bài thơ *Tự thuật* ông tâm sự: “Lòng vì thiên hạ những sơ âu/Thay việc trời, dám trể đâu/Trống đời canh còn đọc sách/Chuông xé bóng, chừa tan châu” (Kiều Văn, 2000: 11). Thái độ làm việc chăm chỉ, đêm ngày đèn sách, tinh thông điển tịch, chăm lo việc nước của ông là tấm gương sáng để đội ngũ quan lại noi theo, không dám lười biếng, lơ là chức trách. Thực hành nêu gương của ông còn thể hiện rõ trong cương vị một chủ tướng dũng cảm, tài trí, mưu lược. Thế kỷ XV, nước Đại Việt ta ở vào thế luôn bị phương Bắc hùng mạnh, lăm le xâm chiếm, các nước Chiêm Thành, Bồn Man, Ai Lao quấy phá, Lê Thánh Tông hiểu rằng muốn giữ vững nền thịnh trị cho đất nước phải có binh mạnh, tướng tài. Ông trực tiếp thân chinh mang quân chinh phạt Chiêm Thành, Bồn Man, Ai Lao (theo Cao Huy Giu, 2023). Thống lĩnh dẹp loạn biên cương, mở mang bờ cõi tạo nền thái bình thịnh trị, được các nước láng giềng nể phục. Vị vua văn võ song toàn Lê Thánh Tông không chỉ là tấm gương đạo đức cho quan lại thời kỳ Hồng Đức mà còn tỏa sáng mãi trong lịch sử triều đại phong kiến Việt Nam.

Đạo làm vua của Lê Thánh Tông trong mối quan hệ với quan lại còn thể hiện ở tư tưởng trọng dụng hiền tài. Đây là một trong những tư tưởng cốt lõi, xuyên suốt đường lối trị nước của ông. Tắm bia tại Văn Miếu - Quốc Tử giám do Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn năm 1484, đã khẳng định cốt lõi tư tưởng này: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và càng lớn lao, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà càng xuống thấp. Bởi vậy các bậc vua tài giỏi đời xưa, chẳng có đời nào lại không chăm lo nuôi dưỡng và đào tạo nhân tài bồi đắp thêm nguyên khí”. Không đi theo lối mòn truyền thống của các bậc tiền bối, Lê Thánh Tông tuyển chọn người tài ra giúp vua cai trị dân chủ yếu thông qua thi cử chứ không phải tiến cử. Nhà vua đặt lệ cứ ba năm tổ chức một kỳ thi, gồm: thi hương (tổ chức ở tỉnh để chọn hương cống hay cử nhân), thi hội (tổ chức ở một số địa điểm lớn nhằm chọn tiến sĩ), thi đình (tập trung thi ở sân triều đình - Quốc Tử Giám, mục đích là xếp hạng tiến sĩ). Thông qua việc tổ chức thi tuyển thường xuyên và liên tục, Lê Thánh Tông đã tìm kiếm, đào tạo được đội ngũ quan lại đông đảo, có học thức, có đạo đức góp phần đáp ứng yêu cầu cai trị của triều đình lúc đó. Việc trọng nhân tài được ghi lại trong bài ký của Đỗ Nhuận nhân dịp dựng bia đề tên tiến sĩ như sau: “Việc chính trị lớn của đế vương không gì cần bằng nhân tài...

chính trị mà không lấy nhân tài làm gốc... sao đủ khiến chính trị, phong hóa đều thịnh, khiến văn vật điển chương đều đủ?" (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 891).

Đối với đội ngũ quan lại kề cận, Lê Thánh Tông luôn động viên, khuyến khích, dẫn dụ, căn dặn họ phải làm tròn trách nhiệm của mình. Năm 1463, tháng 12, ông dụ bọn Thái phó Nguyễn Xí rằng: "Tôn miếu yên hay nguy, chỉ ở mấy người các khanh thôi, các khanh nên nghĩ cho kĩ, tính cho chín, tâu việc chính trị cho trẫm nghe, trẫm cố gắng đoán quyết ở trong, các khanh thừa hành bên ngoài" (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 786-787). Sắc dụ cho các quan đầu triều như Nguyễn Như Đổ, Trần Phong, Nguyễn Vĩnh Tích... rằng: "Nghe Tư Mã Quang nói rằng: Người quân tử là cội gốc để tiến lên trị bình, kẻ tiểu nhân là thêm bậc để đi đến họa loạn. Ta và các người thề với trời đất dùng người quân tử bỏ kẻ tiểu nhân, ngày đêm chăm chăm nhớ lấy, các người chớ lãng quên" (dẫn theo Cao Huy Giu, 2023: 787).

Thuật dùng người thông qua làm gương, quan tâm, dẫn dụ, răn dạy của Lê Thánh Tông khiến đạo trị nước lan tỏa tự nhiên, thấm sâu vào đội ngũ quan lại. Việc khen thưởng rõ ràng, trách phạt nghiêm minh xây dựng tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ quan lại vốn tri trệ, ham bổng lộc của triều đại Lê sơ. Chính sách trọng dụng nhân tài thông qua con đường thi cử giúp tìm ra đội ngũ quan lại có tài, có đức đóng góp nhiều giá trị tích cực góp phần tạo

nên thời thịnh trị của niên hiệu Hồng Đức. Qua những phân tích trên đây, chúng ta thấy rằng, quan niệm đạo làm vua của Nho giáo trong sự tu dưỡng đạo đức và mối quan hệ của nhà vua với bề tôi có ảnh hưởng nhất định đến đường lối trị nước của Lê Thánh Tông. Những ảnh hưởng đó góp phần tạo nên nhà vua Lê Thánh Tông nhân đức, siêng năng, thương dân, chăm dân, trọng dụng hiền tài. Tài năng, phẩm chất đạo đức của ông là tấm gương sáng, chiếu tỏa ân đức xuống muôn dân và tầng lớp quan lại. Gạt bỏ đi những hạn chế không tránh khỏi do hoàn cảnh lịch sử quy định, hình mẫu ông vua nhân đức đó đã để lại dấu ấn khá đậm nét trong lịch sử phong kiến Việt Nam.

### 3. KẾT LUẬN

Đạo làm vua trong Nho giáo không chỉ đơn giản là việc cầm quyền hay thống trị mà còn là một sự tự tu dưỡng đạo đức cá nhân và trách nhiệm lớn lao đối với xã hội. Một vị vua lý tưởng trong Nho giáo không chỉ là người có quyền lực mà còn là người có đức hạnh cao, biết đối nhân xử thế, chăm lo cho dân, và duy trì trật tự xã hội theo các nguyên tắc nhân ái, chính trực và lễ nghĩa. Vị vua đó sẽ nhận được sự ủng hộ của dân chúng, giúp cho đất nước ổn định và thịnh vượng. Lê Thánh Tông là một trong những nhà vua, nhà nho có nhiều đóng góp to lớn trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Là ông vua sùng Nho, sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo đến phong cách trị nước của ông rất rõ

ràng. Hình mẫu ông vua tài năng, đức độ, văn võ song toàn Lê Thánh Tông luôn là tấm gương sáng về vị vua hiền từ, đức độ cho nhiều vị vua sau này của chế độ phong kiến Việt Nam noi theo. Bài tán do cận thần Thân Nhân Trung sáng tác đã khắc họa đúng

chân dung và sự nghiệp của một vị vua anh minh, vẹn toàn cả đức và tài: "... Giữ đạo trung để trị nước/Dựng đạo lớn để trị người/... Văn tỏ như sao Khuê Bích/Học rộng mà có uyên nguyên/" (Cao Huy Giu, 2023: 925-926). □

### CHÚ THÍCH

(1) *Quốc triều hình luật* do Viện Sử học (dịch), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia in lần 2 năm 1995.

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phan Bội Châu. 2020. *Khổng học đấng*. Hà Nội. Nxb. Dân trí.
2. Cao Huy Giu (dịch) Đào Duy Anh (hiệu đính, chú thích và khảo chứng). 2023. *Đại Việt sử ký toàn thư* (trọn bộ). Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
3. Mai Xuân Hải. 1998. *Lê Thánh Tông: Thơ văn và cuộc đời*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
4. Chu Hy. 1998. *Tứ thư tập chú* (Nguyễn Đức Lân dịch và chú giải). Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
5. Trần Trọng Kim. 2008. *Nho giáo*. Hà Nội. Nxb. Văn hóa Thông tin.
6. Nguyễn Tài Thư (chủ biên). 1993. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam – Tập 1*. Hà Nội. Nxb. Khoa học xã hội.
7. Khổng Tử. 2004. *Kinh Thư* (Trần Lê Sáng - Phạm Kỳ Nam dịch chú). Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
8. Kiều Văn (tuyển chọn). 2000. *Thơ văn Lê Thánh Tông và Hội Tao Đàn*. Đồng Nai: Nxb. Đồng Nai.
9. Lã Trấn Vũ. 1964. *Lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
10. Viện Sử học (dịch). 1995. *Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.